TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST Ngày 31-5-2021 V/v không công nhận quan hệ vợ chồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Bà Bùi Thu Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 366/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, trú tại: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn M, trú tại: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Phan Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 tại Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng, có tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống nhiều năm xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp nhau, ông M sống gia trưởng không tôn trọng bà, nhiều lần đánh chửi, xúc phạm bà. Ông M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà M và các con đã khuyên can nhưng ông M không thay đổi cách sống mà còn thách thức, đe dọa bà. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện bà và ông M ở chung nhà nhưng sống ly thân nhau, không quan tâm, không còn tình cảm với nhau. Nay bà M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn ông Phan Văn M. Về con chung: Bà M và ông M có 02 con chung là Phan Thị M, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1989 và Phan Văn M, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1990, hiện các con của bà và ông M đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn M đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án để giải quyết việc bà Nguyễn Thị M xin ly hôn ông nên không có lời khai của ông M.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Phan Văn M không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp Luật. Về quan điểm giải quyết vụ án căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn M; về con chung: Bà M và ông M có 02 con chung là Phan Thị M, sinh năm 1989 và Phan Văn M, sinh năm 1990, đều đã trưởng thành, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn ông Phan Văn M. Ông M có nơi cư trú tại Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Phan Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 tại Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông, bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm nên nhiều lần đánh chửi nhau, sống không tôn trọng nhau. Tuy bà M và ông M ở chung nhà nhưng đã sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau. Qua việc xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cung cấp tại sổ đăng ký kết hôn gốc lưu giữ từ năm 1988 đến nay không thể hiện có tên ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị M. Căn cứ vào các tài liệu xác minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà M xin ly hôn ông M, căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn M.

[4] Về con chung: Bà M và ông M có 02 con chung là Phan Thị M, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1989 và Phan Văn M, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1990, đều đã trưởng

thành nên vấn đề nuôi dưỡng bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn M.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị M đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011685 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn